TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2025/DS-ST
Ngày: 13-02-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đúng
2. Ông Đặng Văn Ẩn

– ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

– ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh:*** Ông Trần Văn Đang- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 772/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1035/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Gia T là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 5525/2023/UQ-TGĐ ngày 29/12/2023 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Quang M, sinh năm 1975;

Địa chỉ: xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2024 và trong quá trình giải quyết, đại diện nguyên đơn ông Trần Gia T trình bày:

Ngày 18/02/2020, ông Minh có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây được viết là Ngân hàng S) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ: Master; số thẻ 526830 – 8757; hạn mức: 20.000.000 đồng; ngày ký hợp đồng: 18/02/2020; lãi suất áp dụng 2.77%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Minh đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 240.970.308 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Mđã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 243.531892 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước

+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước

+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ

+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ

+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Mvẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Mvi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 23/02/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng S đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 20.266.103 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Nay Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Quang M trả ngay cho Ngân hàng S tổng số nợ tạm tính đến ngày 13/02/2025 là 40.502.319 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm lẻ hai nghìn ba trăm mười chín đồng). Trong đó: nợ gốc là 20.266.103 đồng, nợ lãi là 20.236.216 đồng.

Buộc ông Nguyễn Quang M có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 14/02/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định trong hợp đồng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Quang M:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng ông M vắng mặt

không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đều đã được thực hiện đúng quy định nên việc xét xử vắng mặt các đương sự vừa nêu là phù hợp với quy định của pháp luật. Thời hạn đưa vụ án ra xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 13/02/2025 là 40.502.319 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm lẻ hai nghìn ba trăm mười chín đồng). Trong đó: nợ gốc là 20.266.103 đồng, nợ lãi là 20.236.216 đồng. Bị đơn phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quang M trả số tiền vay theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng mà các bên đã ký, đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự

- Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Ngày 09/12/2024 đại diện nguyên đơn ông Trần Gia T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng ông Nguyễn Quang M không đến Tòa án trong cả hai lần được Tòa án triệu tập mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt ông Nguyễn Quang M là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu ông M có nghĩa vụ trả ngay số tiền nợ của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng là 25.478.486 đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng).

Căn cứ "Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng" ngày 18/02/2020 có chữ ký và ghi tên Nguyễn Quang M có cơ sở để xác định Ngân hàng S đã cấp thẻ tín dụng cho ông M hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất tại thời điểm mở thẻ là lãi suất áp dụng 2.77%/tháng trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức và nội dung nên được thừa nhận và bảo vệ và là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS).

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông M đã thực hiện nhiều giao dịch, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 243.531892 đồng thì ngưng không thanh toán nữa. Đến ngày 23/02/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là 20.266.103 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Việc ông M ngưng không thanh toán số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng S là vi phạm về nghĩa vụ thanh toán. Do đó, Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu ông M trả toàn bộ số nợ còn lại và tiền lãi là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

[3.2] Theo kết quả xác minh của Công an xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh: "Công dân Nguyễn Quang M, sinh năm 1975 không có đăng ký hộ khẩu, không đăng ký tạm trú, không khai báo nơi ở hiện tại và không thực tế cư trú tại địa chỉ xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyễn Quang M đã bán nhà đi đâu không rõ. Không có thông tin liên lạc từ cuối năm 2022".

Căn cứ Biên bản xác minh ngày 16/8/2024 của Công an thị xã C, tỉnh Bình Phước: "Trường hợp ông Nguyễn Quang M, sinh năm 1975 có đăng ký hộ khẩu tại tổ 1, ấp 4, xã M, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Nhưng ông M đã đi khỏi địa phương từ trước năm 2018, không còn sinh sống ở địa phương. Còn việc ông Nguyễn Quang M đi đâu thì Công an xã M không nắm được và không khai báo tạm vắng đối với cơ quan công an".

Tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 18/02/2020 ông M đã cung cấp cho Ngân hàng 02 địa chỉ gồm địa chỉ hộ khẩu thường trú và địa chỉ ở hiện tại. Ông M đã đi khỏi nơi có hộ khẩu thường trú xã M, thị xã C, tỉnh Bình Phước từ năm 2018 và không khai báo với công an nơi chuyển đến. Năm 2020 ông M ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng đã khai nơi ở hiện tại là xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì "địa chỉ nơi cư trú, làm việc

hoặc nơi có trụ sở cuối cùng của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quy định tại điểm đ, e khoản 4 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là địa chỉ người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã từng cư trú, làm việc hoặc có trụ sở mà người khởi kiện biết được gần nhất tính đến thời điểm khởi kiện và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh". Ngân hàng S đã cung cấp cho Tòa án địa chỉ nơi cư trú cuối cùng mà nguyên đơn biết được gần nhất tính đến thời điểm khởi kiện là tại xã P, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời Công an xã P, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cũng xác nhận ông M bán nhà đi từ năm 2022 và không có thông tin liên lạc gì với ông M.

Như vậy căn cứ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Ngân hàng S đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của ông Nguyễn Quang M, ông M đã thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định pháp luật về cư trú làm cho nguyên đơn không biết được nhằm che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với Ngân hàng S. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định pháp luật và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của đương sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Quang M đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, trong đó nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả một lần toàn bộ số tiền còn nợ của "Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng" nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 (BLTTDS) thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Do ông M không phản đối yêu cầu và chứng cứ mà bên nguyên đơn đưa ra nên coi như ông M chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 13/02/2025 là 40.502.319 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm lẻ hai nghìn ba trăm mười chín đồng). Trong đó: nợ gốc là 20.266.103 đồng, nợ lãi là 20.236.216 đồng. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ của "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" là 40.502.319 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm lẻ hai nghìn ba trăm mười chín đồng). Trong đó: nợ gốc là 20.266.103 đồng, nợ lãi là 20.236.216 đồng.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 117, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với ông Nguyễn Quang M về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc ông Nguyễn Quang M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền còn nợ của "Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng" ngày 18/02/2020 số tiền nợ tạm tính đến ngày 13/02/2025 là 40.502.319 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm lẻ hai nghìn ba trăm mười chín đồng). Trong đó: nợ gốc là 20.266.103 đồng, nợ lãi là 20.236.216 đồng.

Kể từ ngày 14/02/2025, ông Nguyễn Quang M còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn và các khoản phí phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại "Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng" ngày 18/02/2020.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Quang M chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.025.116 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi lăm nghìn một trăm mười sáu đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 721.768 đồng (Bảy trăm hai mươi mốt nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23P số 0033411 ngày 19/3/2024 và của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- CCTHADS huyện Bình Chánh
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (12).



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tuyết